



Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 16 vào ngày 17 tháng 10 năm 2023. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Chủ tịch
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên
	Ông Bạch Thăng Long	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Thân Đức Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Bích Hồng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 18/10/2023)
		Giám đốc điều hành (đến ngày 17/10/2023)
	Ông Hoàng Thế Nhu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 18/10/2023)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 17/10/2023)	
	Ông Hà Mạnh	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00272-24-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.775.131.970.852	1.728.722.783.279
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	151.023.731.552	282.499.385.851
Tiền	111		100.748.810.646	277.999.385.851
Các khoản tương đương tiền	112		50.274.920.906	4.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		302.163.000.000	102.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	302.163.000.000	102.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		531.750.550.086	450.855.357.902
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	507.169.825.086	408.244.570.249
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.120.620.289	4.492.391.681
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	19.460.104.711	38.118.395.972
Hàng tồn kho	140	8	740.472.448.542	819.681.843.040
Hàng tồn kho	141		747.675.604.263	826.258.182.369
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.203.155.721)	(6.576.339.329)
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.722.240.672	73.686.196.486
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.492.698.223	5.202.996.107
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.734.443.387	68.250.386.469
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	2.495.099.062	232.813.910

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		512.707.687.361	566.515.736.207
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.394.680.697	8.268.834.652
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	15.394.680.697	8.268.834.652
Tài sản cố định	220		450.384.759.806	502.165.099.851
Tài sản cố định hữu hình	221	9	448.167.855.298	497.948.393.798
Nguyên giá	222		1.706.311.121.526	1.675.133.740.401
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.258.143.266.228)	(1.177.185.346.603)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.216.904.508	4.216.706.053
Nguyên giá	228		15.941.763.483	14.644.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.724.858.975)	(10.428.057.430)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.368.470.076	581.252.126
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.368.470.076	581.252.126
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.500.552.116	3.597.321.861
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	4.500.552.116	3.597.321.861
Tài sản dài hạn khác	260		41.059.224.666	51.903.227.717
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	41.059.224.666	51.903.227.717
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.287.839.658.213	2.295.238.519.486

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.754.773.367.264	1.806.424.564.795
Nợ ngắn hạn	310		1.598.932.073.803	1.609.853.350.104
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	570.144.621.918	603.397.446.995
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14(a)	13.429.820.405	30.381.657.075
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.645.618.092	14.614.703.678
Phải trả người lao động	314		349.364.423.334	366.519.407.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		101.571.690	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.277.776	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	19.925.689.436	5.868.631.703
Vay ngắn hạn	320	17(a)	566.937.830.343	538.602.682.309
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	69.367.220.809	50.468.820.809
Nợ dài hạn	330		155.841.293.461	196.571.214.691
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	14(b)	9.284.980.506	18.326.300.636
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	12.315.104.850	12.121.011.000
Vay dài hạn	338	17(b)	129.021.179.560	159.612.882.057
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.220.028.545	6.511.020.998
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		533.066.290.949	488.813.954.691
Vốn chủ sở hữu	410	19	533.066.290.949	488.813.954.691
Vốn cổ phần	411	20	317.510.000.000	302.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		317.510.000.000	302.400.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		5.382.400.000	-
Cổ phiếu quỹ	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	105.097.319.147	55.561.319.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.079.011.802	130.855.075.544
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.119.514.744	7.210.212.490
- Lợi nhuận năm nay	421b		102.959.497.058	123.644.863.054
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.287.839.658.213	2.295.238.519.486

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

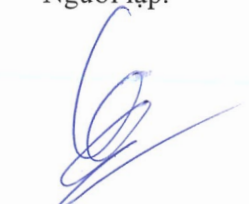
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	4.136.935.422.565	4.543.182.544.001
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	1.132.018.739	469.064.501
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	4.135.803.403.826	4.542.713.479.500
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	3.704.576.529.448	4.052.527.993.444
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		431.226.874.378	490.185.486.056
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	114.901.797.726	120.391.881.626
Chi phí tài chính	22	28	93.624.432.622	109.565.765.831
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.387.670.887	19.100.401.123
Chi phí bán hàng	25	29	155.031.326.378	156.054.531.080
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	177.708.824.962	195.610.058.003
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		119.764.088.142	149.347.012.768
Thu nhập khác	31	31	4.117.696.447	2.558.133.123
Chi phí khác	32		724.298.525	2.022.482.300
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.393.397.922	535.650.823
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		123.157.486.064	149.882.663.591
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	20.197.989.006	26.237.800.537
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		102.959.497.058	123.644.863.054

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		123.157.486.064	149.882.663.591
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		91.717.042.198	85.967.037.203
Các khoản dự phòng	03		626.816.392	(9.171.725.503)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.511.865.468	(7.430.406.507)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(24.042.164.222)	(3.038.659.599)
Chi phí lãi vay	06		32.387.670.887	19.100.401.123
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		231.358.716.787	235.309.310.308
Biến động các khoản phải thu	09		(60.898.874.045)	43.574.138.125
Biến động hàng tồn kho	10		78.582.578.106	36.490.539.348
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(17.897.839.314)	(18.749.304.904)
Biến động chi phí trả trước	12		10.429.529.503	(6.431.211.123)
			241.574.111.037	290.193.471.754
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.488.917.482)	(18.788.308.127)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.620.086.241)	(20.351.979.542)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.869.600.000)	(7.986.095.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		177.595.507.314	243.067.089.055
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(84.511.485.778)	(218.631.985.645)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		720.976.182	-
Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	23		(576.248.000.000)	(152.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		376.085.000.000	115.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		18.013.323.251	1.927.419.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(265.940.186.345)	(255.704.566.283)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		20.492.400.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.062.845.248.400	1.662.461.520.013
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.072.310.272.527)	(1.378.987.202.958)
Tiền trả cổ tức	36		(54.366.471.360)	(30.205.378.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.339.095.487)	253.268.938.715
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(131.683.774.518)	240.631.461.487
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		282.499.385.851	35.477.134.897
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		208.120.219	6.390.789.467
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	151.023.731.552	282.499.385.851

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- đào tạo nghề;
- cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- xuất nhập khẩu trực tiếp;
- sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 6 đơn vị trực thuộc và 2 công ty con (1/1/2023: 5 đơn vị trực thuộc và 2 công ty con). Chi tiết về công ty con được trình bày tại Thuyết minh 5(b).

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Khách sạn Garco Dragon
- Hệ thống siêu thị M10 Mart
- Trường Cao đẳng Nghề Long Biên
- Xí nghiệp May Hà Quảng
- Xí nghiệp May Bim Sơn
- Xí nghiệp May Hà Tĩnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 7.182 nhân viên (1/1/2023: 7.171 nhân viên).

101
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(ii) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng từ 18 tháng đến 36 tháng.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí bảo hiểm, chi phí thuê cửa hàng và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng từ 14 tháng đến 36 tháng.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

10/10/2024

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	1.923.786.045	1.295.620.924
Tiền gửi ngân hàng	98.825.024.601	276.703.764.927
Các khoản tương đương tiền (*)	50.274.920.906	4.500.000.000
	151.023.731.552	282.499.385.851

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 đến 2 tháng và được hưởng lãi suất từ 1,6% đến 3% (1/1/2023: 3% đến 4,4%) một năm.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5% đến 9% (1/1/2023: 6,5% đến 7,8%) một năm.

(b) Đầu tư vào công ty con

Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	31/12/2023			1/1/2023				
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Công ty TNHH May Phù Đồng (*)	Hà Nội, Việt Nam	60,97%	1.097.321.861	-	(***)	60,97%	1.097.321.861	-	(***)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10 (**)	Hà Nội, Việt Nam	100%	3.403.230.255	-	(***)	100%	2.500.000.000	-	(***)
			<u>4.500.552.116</u>	<u>-</u>			<u>3.597.321.861</u>	<u>-</u>	

(*) Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH May Phù Đồng đã họp và thống nhất chuẩn bị các hồ sơ thủ tục để giải thể công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, công ty con này đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

(**) Trong năm, Tổng Công ty tăng vốn vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10 từ lợi nhuận của công ty con này.

(***) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lever Style Limited	110.155.244.853	118.181.497.770
Direct Source (Far East) Limited	72.549.257.590	47.272.380.687
Asmara International Limited	53.978.678.498	24.528.265.626
Li & Fung	51.582.325.380	50.628.920.513
Pacificways Limited	16.995.260.900	37.158.106.345
Các khách hàng khác	201.909.057.865	130.475.399.308
	507.169.825.086	408.244.570.249

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	2.781.786.155	1.737.668.187
<i>Công ty liên quan khác</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.423.022.284	2.506.739.058
	12.204.808.439	4.244.407.245

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (*)	3.538.002.432	16.237.528.835
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước (**)	5.253.534.739	13.078.782.475
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (***)	351.836.641	3.633.634.000
Tạm ứng cho nhân viên	45.029.998	97.117.000
Lãi tiền gửi phải thu	6.995.178.971	2.510.443.836
Phải thu ngắn hạn khác	3.276.521.930	2.560.889.826
	19.460.104.711	38.118.395.972

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc dài hạn	3.053.252.357	4.175.851.950
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (*)	8.418.414.368	2.781.780.803
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (***)	1.741.427.088	-
Phải thu dài hạn khác	2.181.586.884	1.311.201.899
	15.394.680.697	8.268.834.652

(*) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH H.N.P thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH H.N.P. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào phí gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH H.N.P.

(**) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH Thiệu Đô. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào phí gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH Thiệu Đô.

(***) Đây là khoản bồi thường giải phóng mặt bằng trả thay cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa liên quan đến Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn. Khoản này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	54.967.180.438	-	60.633.171.672	-
Nguyên vật liệu	284.424.561.032	-	391.954.310.380	-
Công cụ và dụng cụ	757.589.018	-	177.855.785	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	89.968.387.921	-	110.198.132.523	-
Thành phẩm	236.016.925.016	(7.203.155.721)	210.627.668.879	(6.431.569.379)
Hàng hóa	14.813.763.483	-	15.021.196.433	(144.769.950)
Hàng gửi đi bán	66.727.197.355	-	37.645.846.697	-
	747.675.604.263	(7.203.155.721)	826.258.182.369	(6.576.339.329)

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	520.343.921.347	909.158.927.501	55.581.271.548	190.049.620.005	1.675.133.740.401
Tăng trong năm	953.915.546	33.979.906.505	4.403.275.858	945.925.866	40.283.023.775
Thanh lý	-	(8.583.152.022)	-	(522.490.628)	(9.105.642.650)
Số dư cuối năm	521.297.836.893	934.555.681.984	59.984.547.406	190.473.055.243	1.706.311.121.526
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	251.059.435.694	775.392.545.666	39.598.319.172	111.135.046.071	1.177.185.346.603
Khấu hao trong năm	22.460.483.175	45.948.817.617	4.108.028.164	17.466.132.718	89.983.461.674
Thanh lý	-	(8.503.051.421)	-	(522.490.628)	(9.025.542.049)
Số dư cuối năm	273.519.918.869	812.838.311.862	43.706.347.336	128.078.688.161	1.258.143.266.228
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	269.284.485.653	133.766.381.835	15.982.952.376	78.914.573.934	497.948.393.798
Số dư cuối năm	247.777.918.024	121.717.370.122	16.278.200.070	62.394.367.082	448.167.855.298

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 954.732 triệu VND (1/1/2023: 904.571 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 232.242 triệu VND (1/1/2023: 280.551 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	12.256.765.835	2.387.997.648	14.644.763.483
Tăng trong năm	900.000.000	-	900.000.000
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	397.000.000	-	397.000.000
Số dư cuối năm	13.553.765.835	2.387.997.648	15.941.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.040.059.782	2.387.997.648	10.428.057.430
Khấu hao trong năm	3.024.572.977	-	3.024.572.977
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	272.228.568	-	272.228.568
Số dư cuối năm	11.336.861.327	2.387.997.648	13.724.858.975
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.216.706.053	-	4.216.706.053
Số dư cuối năm	2.216.904.508	-	2.216.904.508

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 9.482 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 5.645 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	581.252.126	71.258.211.472
Tăng trong năm	787.217.950	111.831.166.203
Lãi vay vốn hóa	-	3.949.218.432
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(166.006.153.053)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(20.451.190.928)
Số dư cuối năm	1.368.470.076	581.252.126

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự án đầu tư xây dựng mới xí nghiệp may Thái Hà tại Tỉnh Thái Bình	428.127.403	-
Công trình xây dựng trường mầm non tại Tổng Công ty Đất và tài sản gắn liền với đất mua từ Trung tâm bán đấu giá tài sản Tỉnh Nam Định	195.656.481	195.656.481
Dự án khác	192.192.868	192.192.868
	552.493.324	193.402.777
	1.368.470.076	581.252.126

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	16.106.795.083	2.785.913.412	14.460.228.710	18.550.290.512	51.903.227.717
Tăng trong năm	3.631.263.491	-	7.235.208.361	3.436.848.120	14.303.319.972
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(124.771.432)	-	-	-	(124.771.432)
Phân bổ trong năm	(6.214.934.260)	(114.098.844)	(8.077.217.264)	(10.616.301.223)	(25.022.551.591)
Số dư cuối năm	13.398.352.882	2.671.814.568	13.618.219.807	11.370.837.409	41.059.224.666

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Topsun Garment Limited	211.518.697.368	187.488.925.702
Oktava Co., Ltd	40.924.822.261	37.773.537.080
Allied Global Corporation Limited	34.928.510.127	-
Oemec Garment Manufacturing Co., Ltd	6.418.141.078	39.353.887.765
Các nhà cung cấp khác	276.354.451.084	338.781.096.448
	570.144.621.918	603.397.446.995

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đổng	1.097.321.861	1.097.321.861
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	282.734.495	2.084.249.182
Công ty liên quan khác		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	129.600.000	-
	1.509.656.356	3.181.571.043

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty con và công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Người mua trả tiền trước

(a) Ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên khác		
Lever Style Limited	7.067.295.981	6.257.426.770
Suzhou Fortune Import&Export Co., Ltd	2.335.776.413	8.788.012.378
Dewhirst Group Limited	1.618.351.163	7.414.888.833
Các khách hàng khác	2.408.396.848	7.921.329.094
	13.429.820.405	30.381.657.075

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên khác		
Lever Style Limited	9.284.980.506	15.561.750.000
Jensmart International Limited	-	2.764.550.636
	9.284.980.506	18.326.300.636

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.115.820.368	34.479.125.651	(34.381.460.499)	1.213.485.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.889.658.511	20.197.989.006	(25.620.086.241)	7.467.561.276
Thuế thu nhập cá nhân	269.873.902	6.731.434.660	(6.493.760.583)	507.547.979
Thuế nhà thầu	272.651.144	874.609.947	(716.919.044)	430.342.047
Thuế xuất nhập khẩu	66.699.753	8.912.174.682	(8.952.193.165)	26.681.270
Thuế đất	(232.813.910)	9.490.443.525	(11.752.728.677)	(2.495.099.062)
Các loại thuế khác	-	115.710.130	(115.710.130)	-
	14.381.889.768	80.801.487.601	(88.032.858.339)	7.150.519.030
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu	(232.813.910)			(2.495.099.062)
Thuế phải nộp	14.614.703.678			9.645.618.092

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.893.627.492	2.108.831.934
Cổ tức phải trả	508.385.533	443.296.093
Lãi vay phải trả	416.674.256	517.920.851
Tiền bồi thường nhận được cho việc di dời		
Xí nghiệp may Thái Hà (*)	14.526.115.387	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.580.886.768	2.798.582.825
	19.925.689.436	5.868.631.703

(*) Đây là khoản tiền bồi thường, hỗ trợ tạm tính đối với tài sản trên đất mà Tổng Công ty May 10 nhận được từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình cho việc thực hiện Đề án di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc địa bàn Thành phố Thái Bình để phát triển đô thị. Ngày 1 tháng 2 năm 2024, Tổng Công ty có công văn 84/CV-TCTy gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình về việc đề nghị phê duyệt số tiền bồi thường phát sinh và gia hạn thời gian di dời đến hết tháng 12 năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình chưa thông nhất được phương án bồi thường, hỗ trợ và thời điểm bàn giao lại mặt bằng cho Thành phố Thái Bình.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	2.315.104.850	2.101.596.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	19.415.000
	12.315.104.850	12.121.011.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	472.318.650.959	1.026.021.713.045	(1.000.479.852.203)	6.460.469.664	504.320.981.465
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17(b))	66.284.031.350	68.163.237.852	(71.830.420.324)	-	62.616.848.878
	538.602.682.309	1.094.184.950.897	(1.072.310.272.527)	6.460.469.664	566.937.830.343

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	263.441.834.236	369.335.066.681
Khoản vay ngân hàng 2	USD	99.319.994.453	102.983.584.278
Khoản vay ngân hàng 3	VND	141.559.152.776	-
		504.320.981.465	472.318.650.959

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng 4	VND	2024 - 2028	156.852.021.819	172.386.319.623
Khoản vay ngân hàng 5	VND	2024 - 2027	32.316.006.619	39.042.426.868
Khoản vay ngân hàng 6	USD	2022 - 2023	-	12.393.166.916
Vay cá nhân	VND	2024 - 2028	2.470.000.000	2.075.000.000
			191.638.028.438	225.896.913.407
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(62.616.848.878)	(66.284.031.350)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			129.021.179.560	159.612.882.057

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 232.242 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 280.551 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Vay cá nhân thể hiện các khoản vay từ cán bộ công nhân viên Tổng công ty từ tiền thưởng phải trả hàng năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng vay cụ thể.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	50.468.820.809	37.782.690.809
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	24.768.000.000	18.755.000.000
Sử dụng trong năm	(5.869.600.000)	(6.068.870.000)
Số dư cuối năm	69.367.220.809	50.468.820.809

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	302.400.000.000	-	(2.440.000)	33.055.319.147	78.710.968.490	414.163.847.637
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	123.644.863.054	123.644.863.054
Phân bổ vào quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	22.506.000.000	(22.506.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	(18.755.000.000)	(18.755.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(30.239.756.000)	(30.239.756.000)
Số dư tại ngày 1/1/2023	302.400.000.000	-	(2.440.000)	55.561.319.147	130.855.075.544	488.813.954.691
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	102.959.497.058	102.959.497.058
Phát hành cổ phiếu mới (Thuyết minh 21)	15.110.000.000	5.382.400.000	-	-	-	20.492.400.000
Phân bổ vào quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	49.536.000.000	(49.536.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	(24.768.000.000)	(24.768.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(54.431.560.800)	(54.431.560.800)
Số dư tại ngày 31/12/2023	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	105.097.319.147	105.079.011.802	533.066.290.949

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.751.000	317.510.000.000	30.240.000	302.400.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.751.000	317.510.000.000	30.240.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.750.756	317.507.560.000	30.239.756	302.397.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	30.239.756	302.397.560.000	30.239.756	302.397.560.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền (Thuyết minh 21)	1.511.000	15.110.000.000	-	-
Số dư cuối năm	31.750.756	317.507.560.000	30.239.756	302.397.560.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2023			1/1/2023		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	32,21	10.227.398	102.273.980.000	33,82
Các cổ đông khác	21.523.358	215.233.580.000	67,79	20.012.358	200.123.580.000	66,18
	31.750.756	317.507.560.000	100	30.239.756	302.397.560.000	100

21. Chương trình về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Theo Nghị quyết số 298/NQ-ĐHĐCĐ2023 ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số cổ phiếu dự kiến phát hành là 1.511.000 cổ phiếu và giá phát hành là 13.600 VND/cổ phiếu.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua kết quả của đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số cổ phiếu đã phân phối là 1.511.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành theo Nghị quyết số 872/NQ-HĐQT.

22. Cổ tức

Ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022 với số tiền là 54.432 triệu VND (2022: 30.240 triệu VND).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty đã trích lập 49.536 triệu VND (2022: 22.506 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2022 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị	31/12/2023	1/1/2023
Vải nhận gia công	Mét	1.836.538	5.847.327
Dụng cụ nhận gia công	Mét	832.154	2.435.629
Vật tư, hàng hóa khác nhận gia công	Mét	5.191	373.698
		2.673.883	8.656.654

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Trong đư- ơng VND	Nguyên tệ	Trong đư- ơng VND
Đô la Mỹ (“USD”)	2.880.502	69.362.481.660	11.126.982	260.477.944.685
Euro (“EUR”)	1.560	41.141.653	4.447	109.925.216
		69.403.623.313		260.587.869.901

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	187.210.579.500	57.515.892.500

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	8.190.926.235	8.190.926.235
Trong vòng hai đến năm năm	32.545.078.245	32.624.026.774
Sau năm năm	63.341.252.033	71.459.302.703
	<hr/>	<hr/>
	104.077.256.513	112.274.255.712
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	3.779.436.677.750	4.120.276.375.062
▪ Cung cấp dịch vụ	31.004.746.402	24.201.497.779
▪ Gia công	326.493.998.413	398.704.671.160
	<hr/>	<hr/>
	4.136.935.422.565	4.543.182.544.001
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.132.018.739)	(469.064.501)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	4.135.803.403.826	4.542.713.479.500
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	3.373.962.015.887	3.682.433.467.810
Dịch vụ đã cung ứng	13.808.470.171	2.795.844.557
Dịch vụ gia công	316.179.226.998	375.502.247.937
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	626.816.392	(8.203.566.860)
	<hr/>	<hr/>
	3.704.576.529.448	4.052.527.993.444
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	22.498.058.386	3.870.671.417
Cổ tức được chia	903.230.255	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.976.581.823	107.899.210.079
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.430.406.507
Doanh thu hoạt động tài chính khác	523.927.262	1.191.593.623
	<hr/>	<hr/>
	114.901.797.726	120.391.881.626

28. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	32.387.670.887	19.100.401.123
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.720.060.540	88.380.892.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.511.865.468	-
Chiết khấu thanh toán trả cho khách hàng	2.816.455.619	1.939.294.105
Chi phí tài chính khác	188.380.108	145.177.983
	<hr/>	<hr/>
	93.624.432.622	109.565.765.831

29. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	46.454.833.284	37.917.681.606
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.300.681.708	8.069.885.227
Chi phí quảng cáo	4.795.791.238	5.219.217.744
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	13.025.317.838	22.007.403.016
Chi phí xuất khẩu	34.848.508.995	35.018.502.813
Chi phí thuê cửa hàng	16.401.363.236	16.209.622.326
Chi phí bán hàng khác	35.204.830.079	31.612.218.348
	<hr/>	<hr/>
	155.031.326.378	156.054.531.080

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	111.928.233.922	133.207.843.415
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.467.831.138	10.979.236.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.187.148.053	32.549.267.202
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(968.158.643)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.125.611.849	19.841.869.889
	<hr/>	<hr/>
	177.708.824.962	195.610.058.003

31. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	774.859.841	506.438.346
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	720.976.182	-
Thu nhập khác	2.621.860.424	2.051.694.777
	<hr/>	<hr/>
	4.117.696.447	2.558.133.123

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.114.229.812.404	2.248.119.727.829
Chi phí nhân viên	957.741.704.584	1.049.433.529.690
Chi phí khấu hao và phân bổ	91.717.042.198	85.967.037.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	787.480.806.839	910.828.228.909
Chi phí khác	71.234.356.394	80.793.596.082
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.157.486.064	149.882.663.591
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.631.497.213	29.976.532.718
Chi phí không được khấu trừ thuế	313.451.052	332.622.619
Thu nhập không bị tính thuế	(180.646.051)	-
Giảm thuế (*)	(4.566.313.208)	(4.071.354.800)
	20.197.989.006	26.237.800.537

(*) Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đổng		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	10.368.579.638
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	84.687.491
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10		
Góp vốn bằng lợi nhuận được phân phối	903.230.255	-
Góp vốn bằng tiền	-	2.000.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.812.185.196	3.180.458.153
Bán hàng hóa và dịch vụ	6.687.450.050	11.253.146.614

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty liên quan khác		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	129.600.000	129.600.000
Bán hàng hóa	9.422.409.628	12.357.763.284
Chia cổ tức	18.409.316.400	10.227.398.000

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2023	2022
	VND	VND
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.415.000.000	1.305.000.000
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.922.968.395	1.826.641.905
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	8.255.656.770	7.973.342.230
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	646.325.650	557.338.250

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Chuyển khoản phải trả công nhân viên thành khoản vay	748.000.000	556.000.000
Góp vốn vào công ty con bằng lợi nhuận được phân phối	903.230.255	-

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

